

BÀI 1: LỊCH SỬ MÔN PHÁI VOVINAM –VIỆT VÕ ĐẠO

Vovinam-Việt võ đạo (VVN-VVD) do cố võ sư Nguyễn Lộc sáng tạo tại Hà Nội

vào năm 1938 trên cơ sở lấy võ và vật dân tộc làm nòng cốt, đồng thời nghiên cứu

tinh hoa các võ phái khác trên thế giới để dung nạp, thái dụng và hóa giải; nhất là cải

tiến nền tảng kỹ thuật của mình theo nguyên lý Cương Nhu phối triển. Sau khi võ sư

Nguyễn Lộc qua đời, võ sư chưởng môn Lê Sáng và các môn đệ kế nghiệp tổ chức lại

bộ máy, từng bước hệ thống, bổ sung lý thuyết võ đạo, bài bản, đôn thể...và chung tay

góp sức đưa môn phái phát triển như ngày nay...

I. CHÂN DUNG CỐ VÕ SƯ SÁNG TỔ 1938-1963

Sơn Tây (nay thuộc tỉnh Hà Tây) được cấu tạo bởi phù sa 3 dòng sông lớn: sông

Nhị (Hồng Hà), sông Đà (Hắc Giang) và sông Lô; 2 nhánh sông nhỏ - sông Con (Tích

Giang) bắt nguồn từ Ba Vì chảy quanh vùng và sông Đáy (Hát Giang) chạy ven địa

giới phía Đông của tỉnh đã góp phần tạo cho Sơn Tây thành một vùng đất phì nhiêu,

màu mỡ. Bên cạnh đó, Sơn Tây còn có ngọn Ba Vì hùng vĩ. Gần Ba Vì là hệ thống núi

lửa Đa Chông trùng điệp và một dãy núi đá vôi lớn ở phủ Quốc Oai (nhiều lần là thủ

đô của Việt Nam thời phong kiến, lúc còn mang danh Phong Châu) chiếm cứ một dãy

đất rộng lớn từ bờ sông Đáy đến sông Đà. Tuy thuộc vùng châu thổ tiếp giáp với đồi

núi nhưng khí hậu của Sơn Tây lại gần giống với các tỉnh vùng cao, nên người dân

vừa có tinh thần khoáng đạt của người miền núi, vừa có nếp sống văn minh của cư

dân các tỉnh đồng bằng. Địa linh này đã sản sinh nhiều nhân kiệt như Nguyễn Tuấn

(Sơn Tinh), Bồ Cái Đại Vương, Trạng Vương, Ngô Quyền, Từ Đạo Hạnh, Vũ Công

Duệ, Phùng Khắc Khoan, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu... Và tại làng Hữu Bằng, huyện

Thạch Thất, ngày mồng tám, tháng tư, năm Nhâm Tý (24/5/1912), ông Nguyễn Lộc

đã cất tiếng khóc chào đời.

Ông là trưởng nam trong một gia đình có 5 anh, chị, em (Nguyễn Thị Thái, Nguyễn

Dần, Nguyễn Ngọc và Nguyễn Thị Sinh). Thân sinh - cụ ông Nguyễn Đình Xuyên và

thân mẫu - cụ bà Nguyễn Thị Hòa. Gia tộc cụ ông từng sinh sống, lâu đời tại làng Hữu

Bằng. Một thời gian sau, vì sinh kế, cụ ông chuyển gia đình đến ngụ trong một ngôi

nhà bình dị ở đường Harmand Rousseau (phía sau chợ Hôm-Hà Nội). Khi người con

trau đầu lòng cắp sách đến trường, cụ ông đã nhờ một vị lão võ sư khai tâm cho con

mình những thế võ và vật dân tộc để rèn luyện sức khỏe và phòng thân.

Ông Nguyễn Lộc trưởng thành trong thảm cảnh quê hương Việt Nam bị thực dân

Pháp đô hộ hơn nửa thế kỷ. Thanh niên Việt Nam lúc bấy giờ đang bị chi phối bởi 2

khuyênh hướng: "một bên là hy sinh thân vào con đường cách mạng cứu nước; còn

một bên là buông mình theo lớp vỏ văn minh hào nhoáng của phương Tây mà những

thú vui sa đọa, những phong trào thể thao của lớp thượng lưu trưởng giả đợc thực

dân Pháp khuyến khích để ru ngủ các tầng lớp thanh niên". Là thanh niên, ông rất đau

lòng trước thực trạng quê hương. Tất nhiên, ông không bằng lòng và lên án gắt gao đã

10

tâm của bọn thực dân thống trị và tay sai. Theo ông, một trong những yếu tố đọa cuộc

cách mạng giải phóng dân tộc đến thành công là cần xây dựng cho thanh niên lòng

yêu nước sâu sắc, tinh thần tự hào dân tộc, ý thức cách mạng, ý chí quyết cường và

ng nghị lực quả cảm; tất cả những điều đó phải đợc chứa đựng trong một thân thể khỏe

manh, đanh thép, sức lực dẻo dai, chịu đựng đợc mọi gian khổ, có khả năng tự vệ và

chiến đấu. Vì thế, ông có ước vọng góp phần nung đúc và cống hiến cho tổ quốc

những người con yêu có đạo đức, ý chí quyết thắng, đủ năng lực và sức khỏe để vượt

thắng sự hèn yếu, bạc nhược về tâm hồn và thể xác hầu vươn đến một lối sống tốt đẹp

hơn: "Sống, giúp người khác sống và sống vì người khác".

Mang hoài bão ấy, ngoài việc tu dưỡng đạo đức, trau dồi học vấn, ông còn dành

thời gian sưu tầm, nghiên cứu nhiều môn võ khác. Ngày đêm ông thường bầu bạn với

nhiều loại sách báo khác nhau từ Triết học, Văn học, Sử học... đến cả Y học, Cơ thể

học. Tất cả những ý tưởng quan trọng về võ học và những vấn đề liên quan đều đợc

ông ký chú, phân loại cụ thể. Khu vực bờ đê sông Hồng từ bến Phà Đen đến Viện Bác

cổ, nhà Hát Lớn đều có dấu chân ông chạy nhảy, đi quyền, múa côn... từ lúc mặt trời

chợa tình giãc. Ngoài ra, ông còn đến tham quan các võ đường, dự khán những trận tỉ

thí võ đài hoặc mạn đàm cùng một số võ sư thời danh hầu tìm hiểu thêm các đòn thế

hay, đẹp, hiệu quả của các môn võ Trung Quốc, Nhật, Xiêm, Quyền Anh... Qua đó,

ông nhận thấy môn nào cũng có qu điểm. Có môn thiên về cợng, kỹ thuật cứng và

ạnh; có môn thiên về nhu, kỹ thuật linh hoạt, khéo léo, uyển chuyển, ít dùng sức.

Riêng các môn võ Việt Nam rất độc đáo, không theo cợng hay nhu nhất định mà

biến hóa, linh động tùy theo thể tạng mỗi người, mỗi địa phương. Do sáng tạo từ lâu

đời, võ Việt Nam cũng có một số kỹ thuật không còn phù hợp với thời đại mới nhợng

ông cũng nhận thấy rằng các kỹ thuật đó vẫn phát triển đợc những tố chất của cơ thể

nhẹ thăng bằng, chính xác, khéo léo... mà con người ở thời đại nào cũng cần. Vấn đề

cốt lõi là thông qua những bài bản xưa, đào sâu tinh nghĩa, tìm ra phương pháp huấn

luyện mới, đáp ứng đợc tính khoa học, hiện đại, phù hợp với nếp nghĩ và sinh hoạt

văn hóa thời đại mới mà vẫn giữ đợc tính dân tộc. Từ việc nhận ra thực chất của

những kỹ thuật, bài võ đi đến việc nhận rõ giá trị đặc thù của từng môn võ, đồng thời

đối chiếu với đặc điểm tâm lý và thể tạng của người Việt Nam; ông nhận thấy cần

phải xây dựng một môn võ mang tính dân tộc, khoa học và hiện đại để giúp thanh niên

có một phương pháp rèn luyện sức khỏe mang danh dân tộc vì trong mọi cuộc chiến

đấu, vấn đề tinh thần và danh dự là 2 yếu tố quan trọng góp phần quyết định sự thành

bại.

Với các luận cứ đó, ông Nguyễn Lộc đã lấy môn vật và võ dân tộc Việt Nam làm

nền tảng, khai thác mọi tinh hoa võ thuật đã có trên thế giới để sáng tạo thành môn

phái riêng đặt tên là Vovinam(VVN). Khoảng mùa thu năm 1938, khi công trình

nghiên cứu hoàn thành, ông huấn luyện thể nghiệm cho một số thân hữu cùng lứa tuổi.

Trong thời gian này, VVN lại được ông tiếp tục sửa chữa, bổ sung về lý luận lẫn kỹ

thuật. Ngót một năm sau, ông đem lớp môn sinh đầu tiên ra mắt quần chúng tại nhà

Hát Lớn Hà Nội. Cuộc biểu diễn thu hút đông đảo người xem và thành công rực rỡ.

Để thuận lợi trong việc truyền bá và phát triển “người con tinh thần” của mình, ông

nhận lời mời của bác sĩ Đặng Vũ Hỷ - Hội trưởng Hội thân hữu Thể thao - tổ chức

các lớp dạy VVN dành cho thanh niên. Lớp võ công khai đầu tiên khai giảng vào mùa

11

xuân năm 1940 tại trường Sơ phạm Hà Nội. Sau đó, nhiều lớp võ liên tục được mở ra.

Trong khoảng gần 15 năm (1940 - 1954), VVN đã được quảng bá rộng rãi ở Hà Nội

và lan dần sang các tỉnh Sơn Tây, Nam Định, Thanh Hóa... Vào thời kỳ này, tuy

chương trình huấn luyện có phân thành 3 cấp: sơ đẳng, trung đẳng và cao đẳng nhưng

không mấy ai học quá 3 năm vì thời cuộc, vì nhu cầu ứng phó cấp thiết, vì đôi lúc

thực dân Pháp cấm cản, trừ đội ngũ cốt cán tập luyện bí mật. Các lớp võ công khai

thường chỉ kéo dài 3 tháng gồm: bài tập thể dục(10 động tác), luyện tấn, mép tay, bấp

tay rắn chắc; bay người, rập xuống, trườn bằng khuỷu tay và đầu gối; các lối nhào lộn,

tập té ngã; các thế phản đòn cơ bản, các thế khóa gỡ; 4 bài song luyện; các thế tự vệ

chống kiếm, gậy (côn), mã tấu; 21 đòn chân không dạy riêng lẽ mà ghép trong các bài

song luyện. Khi luyện tập, biểu diễn, các môn sinh mặc quần đùi, mình trần.

Năm 1945, ông Nguyễn Lộc lập gia đình cùng cô Nguyễn Thị Minh (con của cụ

ông Nguyễn Ngọc Hoán và cụ bà Bùi Thị Ngọc) và có 9 người con (3 trai). Vóc dáng to

khỏe (trên 90 kg) và tuy là một võ sư nổi tiếng nhưng trong con người ông vẫn luôn

chảy một dòng máu nghệ sĩ. Bên bình trà nóng, bao thuốc lá, ông mài mê đàm luận

thơ văn, hội họa, nghệ thuật nhiếp ảnh... suốt buổi hoặc trọn đêm với bạn bè, môn đệ.

Thân mật, hoà đồng, giản dị, ông thích và cho phép các môn đệ gọi mình bằng hai

tiếng "anh Lộc" thân tình; đây là điều hiếm thấy trong giới võ lâm. Những học trò

sống cạnh ông đều hưởng những tình cảm đôn hậu và sự chăm lo chu đáo. Tuy vậy,

khi bắt tay vào công việc, học tập, ông rất nghiêm túc, cẩn trọng, luôn đặt yêu cầu cao

đối với bản thân và cộng sự. Giao lưu rộng rãi, tính tình hào hiệp, con thiếu sửa vẫn

mang gạo tiền giúp đỡ bạn bè gặp cơn bí cực, vì thế ông đã được mọi người chung

quanh quý trọng.

Năm 1954, ông Nguyễn Lộc vào Sài Gòn, tổ chức cuộc biểu diễn VVN đầu tiên tại

rạp Norodome (nay là Công ty xổ số kiến thiết, đường Lê Duẩn, Tp Hồ Chí Minh),

mở lớp võ tại đường Thủ Khoa Huân (Avigateur Garros), Nguyễn Trãi (Frère Louis),

Nguyễn Khắc Nhu, và cử môn đệ huấn luyện ở trường Hiến binh Thủ Đức (tỉnh Gia

Định), Tp Đà Lạt... Trong lúc công việc mới bắt đầu còn đầy khó khăn, ông lại qua

đời vào ngày mồng bốn, tháng tư, năm Canh Tý (29/4/1960). Hiện di cốt ông được

bảo quản tại số 31 đường Sq Vạn Hạnh, Quận 10, Tp Hồ Chí Minh.

Ngày 11/11/1960, nhân võ sq Phạm Lợi (môn Judo) tham gia cuộc đảo chính do

Nguyễn Chánh Thi cầm đầu, chế độ Sài Gòn đã hạn chế các võ phái hoạt động. Tuy

nhiên, một số lớp VVN vẫn tập luyện tại các trường Hồ Vũ, Thăng Long, Saint

Thomas... do võ sq Trần Huy Phong và vài võ sq khác hướng dẫn.

II. GIAI ĐOẠN 1964-1975

Ngày 01/11/1963, nhóm Dương Văn Minh hạ bộ Ngô Đình Diệm. Cùng với các võ

phái khác, VVN bắt đầu hồi phục từ đầu năm 1964. Vào thời điểm này, chiếc áo thun

ba lỗ (may-ô) và quần đùi mà võ sinh đã mặc trong thời kỳ trước được thay thế bằng

bộ võ phục màu xanh da trời như hiện nay. Sau khi võ đường đầu tiên (tính từ 1964)

ra đời tại số 61 đường Vĩnh Viễn, quận 10 (Sài Gòn), võ sq chưởng môn Lê Sáng

(sinh năm 1920), võ sq Trần Huy Phong (1938 - 1997), võ sq Nguyễn Văn Thọ và

12

một số thành viên khác đã họp để soạn thảo Quy lệ môn phái, vạch ra phương hướng

củng cố và phát triển môn phái. Dựa trên tư tưởng, kỹ thuật và bài bản của cổ võ sq

Nguyễn Lộc truyền lại, võ sq Lê Sáng và một vài võ sq cao cấp đã bổ sung, xác lập

chương trình giảng huấn võ đạo, huấn luyện võ lực, và võ thuật rõ ràng theo từng

đẳng cấp: sơ đẳng (đai xanh, có 3 cấp), trung đẳng (vàng, 3 cấp), cao đẳng (đỏ, 7 cấp)

và thượng đẳng (trắng, dành riêng cho võ sĩ thượng môn). Hệ thống kỹ thuật cũng dần dần

có thêm các đòn thế, bài bản mới như: 30 thế liên hoàn chiến đấu, 28 thế vật căn bản

và 3 bài Song đấu vật, Song luyện dao găm, Thập tự quyền, Long hổ quyền, Xà

quyền, Lão mai, Ngọc trản, Hạc quyền, Việt võ đạo quyền, Tinh hoa võ thuật nghi kiếm

pháp, Tứ tượng côn pháp, Nhật nguyệt đại đao, Thái cực đơn đao, Bát quái song đao,

Một bản pháp, Thượng lộ pháp, Song đấu búa rìu, Song đấu mã tấu. Bằng hoạt động

năng nổ, sáng tạo của võ sĩ thượng môn Lê Sáng và các môn đệ, VVN đã thu hút

được sự chú ý của nhiều giới và các võ đường khác dần dần xuất hiện như võ đường

Trần Hưng Đạo, Hoa Lư... Năm 1966, VVN được đưa vào trường học mà công đầu là

của võ sĩ Phùng Mạnh Chử tự Mạnh Hoàng (1938 - 1967). Cũng từ năm này, danh

xã Vovinam bổ sung thành Vovinam-Việt võ đạo để thanh, thiếu niên chú trọng

đến tinh thần dân tộc khi luyện võ hầu phấn đấu rèn luyện bản thân cả 3 phương diện:

Tâm, Trí, Thể, nhằm phục vụ cho dân tộc và nhân loại. Nhiều trường công lập và tư

thực lớn tại Sài Gòn lúc bấy giờ như Pétrus-Ký (nay là Lê Hồng Phong), Gia Long

(nay là Nguyễn Thị Minh Khai), Chu Văn An, Cao Thắng, Hưng Đạo, Don Bosco,

Phan Sào Nam, Đức Trí, Taberd, Quốc Việt... đều có lớp tập chính khóa hoặc ngoại

khóa do các võ sĩ Lê Công Danh, Trần Văn Bé, Trần Văn Trung, Nguyễn Văn

Thông... phụ trách góp phần tạo nên một phong trào rèn luyện sức khỏe sôi nổi và

rộng lớn. Công tác đào tạo đội ngũ cốt cán, nghiên cứu, biên soạn hệ thống lý luận,

kiến thức VVN-VVD cũng được quan tâm. Nhiều sách, đặc san của môn phái do Ban

nghiên cứu Vovinam - Việt võ đạo biên soạn đã được xuất bản trong giai đoạn này

như: Việt võ đạo nhập môn, Việt võ đạo cương yếu, Tinh hoa Việt võ đạo... Năm

1968, võ đường 61 Vĩnh Viễn dời đến số 31 Trần Hoàng Quân (nay là 31 Sĩ Vạn

Hạnh, quận 10, Tp HCM) và là trung tâm điều hành tất cả hoạt động của môn phái.

Sau mấy năm vượt qua thử thách và đạt nhiều thành quả tốt đẹp, VVN được một số

ban ngành mời giảng dạy. Được học tập các lớp đặc huấn (đào tạo HLV) và qua rèn

luyện trong thực tiễn, hàng loạt võ sĩ, HLV được tung đi các tỉnh, thành phố ở miền

Nam để xây dựng và phát triển phong trào như: Trịnh Ngọc Minh (Nha Trang), Trần

Tấn Vũ (Phú Yên), Ngô Kim Tuyền (Bình Dương), Nguyễn Văn Chiêu (Quy Nhơn),

Nguyễn Văn Nhàn, Nguyễn Văn Sen (Cần Thơ), Trần Văn Mỹ (Hậu Nghĩa), Dương

Minh Nhơn (Kiên Giang), Nguyễn Tôn Khoa (An Giang), Nguyễn Văn Vang (Vĩnh

Long), Nguyễn Văn Ít (Mỹ Tho)... Hằng năm, vào dịp Lễ tưởng niệm cố võ sĩ sáng

tổ, các trường đơn vị đều tập trung về Sài Gòn dự lễ, tập huấn, thi cử, tạo thành

truyền thống tốt đẹp. Võ sĩ chuyên môn Lê Sáng và một số võ sĩ cao cấp cũng

thường xuyên đi thăm hỏi, chấm thi ở nhiều nơi để hỗ trợ, động viên phong trào. Bên

cạnh việc quảng bá võ thuật, VVN-VVD còn tham gia một số công tác xã hội... Có

thể nói, đây là giai đoạn môn phái trưởng thành về nhiều mặt, võ đường mọc lên hầu

hết các tỉnh phía Nam; và theo chân các du học sinh như :Trần Nguyên Đạo, Nguyễn

Thị Huệ, Trần Đại Chiêu, Dương Quan Việt, Hà Chí Thành...để xuất hiện ở Pháp, Ý,

Đức, Thụy Sĩ... vào đầu thập niên 70. Người có công dựng cột mốc đầu tiên để phát

triển VVN-VVD ra quốc tế (1973) là giáo sư Phan Hoàng.

13

III. GIAI ĐOẠN 1976-2002

Khoảng gần một năm sau ngày thống nhất đất nước, võ sư Nguyễn Văn Chiêu đã

tập hợp một số võ sư, HLV về Quận 8, Tp Hồ Chí Minh (Tp HCM) ôn luyện; sau đó

biểu diễn tại đây và vài nơi khác như quận 3, huyện Bình Chánh.... Ngày 15/12/1978, được sự chấp thuận của Sở Thể dục Thể thao (TDTT) Tp HCM và Ủy

ban nhân dân quận 8, lớp VVN-VVD chính thức khai giảng tại tụ điểm hồ bơi Hòa

Bình (đường Chánh Hưng - Quận 8) do võ sư Nguyễn Văn Chiêu, Nguyễn Văn Ký,

Đỗ Văn Phước hướng dẫn, mở đầu quá trình khôi phục phong trào trong thành phố.

Từ thời điểm này đến đầu những năm 80, các võ sư ở một số tỉnh, thành khác như:

Nguyễn Hữu Hạnh (Cần Thơ), Nguyễn Bá Thuận (Nha Trang), Đinh Văn Hòa (Bình

Định)... cũng xin phép ngành TDTT địa phương mở lớp huấn luyện. Tháng 6/1980,

VVN-VVD tham dự đợt Hội thao võ thuật do Viện Khoa học Giáo dục và Trường

Cao đẳng Sư phạm TD trung ương 2 tổ chức tại Tp HCM. Năm 1985, VVN-VVD

được mời huấn luyện cho Lớp Nghiên cứu võ thuật phía Nam (khóa tập trung 4 tháng)

của Cục Cảnh vệ (Bộ Nội vụ nay là Bộ Công an). Một sự kiện đáng chú ý ở cuối thập

niên 80 là Hội Việt võ đạo Tp HCM được thành lập (1989) vì có ảnh hưởng đến công

tác chuyên môn, nhân sự lẫn sự quan tâm của các tỉnh, thành khác đối với bộ môn.

Trước sự hồi phục của phong trào và những cố gắng thể thao hóa bộ môn của võ sư

Trần Huy Phong, Nguyễn Văn Chiếu...VVN-VVD đã được Tổng cục TDTT (nay là

Ủy ban TDTT) đưa vào chương trình Hội diễn kỹ thuật khu vực 3 (1990). Đến tháng

9 năm này, 4 võ sư : Nguyễn Văn Chiếu, Nguyễn Anh Dũng, Lê Thanh Liêm, Tô

Mạnh Hòa được mời sang biểu diễn tại Belarussia và cử võ sư lqu lại huấn luyện.

Nhằm tạo điều kiện cho VVN-VVD phát triển, ngành TDTT các địa phương đã tiến

hành giải thi đấu cấp tỉnh, thành; sau đó Tổng cục TDTT đã cho tổ chức giải vô địch

toàn quốc (VĐTQ) lần đầu tiên từ 4 – 6/12 /1992 tại Tp HCM, quy tụ 178 võ sĩ của

nhiều tỉnh, thành, tranh tài 2 nội dung: hội thi kỹ thuật và đấu đối kháng. Vài năm sau,

các địa phương còn có thêm giải Thiếu niên, Trẻ, Hội khỏe Phù Đổng, khu vực... Để

thống nhất việc quản lý và chỉ đạo chuyên môn, tháng 4/1994 Tổng cục TDTT thành

lập Ban điều hành lâm thời VVN-VVD Việt Nam. Hằng năm, Ban điều hành đều tổ

chức các Hội nghị chuyên môn toàn quốc (ôn luyện kỹ thuật, từng bước hoàn chỉnh

luật thi đấu đối kháng, luật hội diễn, nghiệp vụ Trọng tài, biên soạn sách kỹ thuật...),

thi thăng cấp cao đẳng... Chuyển biểu diễn thành công vang dội của VVN-VVD tại

Lễ hội Văn hóa - Thể thao truyền thống thế giới lần thứ 2 (52 quốc gia tham dự) tổ

chức ở Thái Lan vào tháng 12 năm 1996 đã thu hút thêm sự chú ý của những người

yêu thích võ thuật dân tộc. Đến giải VĐTQ lần thứ 6 (27 - 30/12/1997), với 215 VĐV

thuộc 12 tỉnh, thành và 2 ngành (Quân Đội, Thể thao Đại học) tham dự, VVN-VVĐ

Việt Nam đã được khẳng định trong sự nghiệp thể thao của nước nhà qua việc Ủy ban

TDTT phong cấp cho các VĐV đoạt huy chương. Nhằm mở rộng địa bàn, 3 lớp tập

huấn Hqóng dẫn viên dành cho các tỉnh phía Bắc lần lượt tiến hành tại Thanh Hóa

(1998), Hà Tây (2000) và Quảng Bình (2001) đã tạo điều kiện cho khu vực này xây

dựng bộ môn và từng bước hòa nhập vào phong trào chung... Đặc biệt, nhân dịp chào

mừng 300 năm Sài Gòn - Tp Hồ Chí Minh và kỷ niệm 60 năm thành lập môn phái,

Hội VVĐ Tp HCM đã phát hành huy hiệu kỷ niệm và phối hợp cùng Liên đoàn Võ

14

thuật Tp HCM tổ chức Hội diễn VVN-VVĐ quốc tế lần thứ 1 vào ngày 20/7/1998 tại

Nhà thi đấu Phan Đình Phùng, Quận 3, với sự góp mặt của 4 quốc gia: Việt Nam,

Pháp, Ý, Tây Ban Nha. Cuộc Hội diễn quốc tế này đã trở thành giải truyền thống hằng

năm với sự tham gia của các nước ngày một đông hơn. Hai đài truyền hình của

CHLB Đức và Thể thao châu Á cũng đến Việt Nam làm phim về hoạt động của VNVVĐ và các võ sĩ Nguyễn Hồng Quỳnh, Phạm Thị Phượng (Tp HCM), Nguyễn Văn

Phúc (Cần Thơ) vào năm 1999. Võ sĩ Patrick Levet (Tây Ban Nha) cũng xuất bản 1

quyển sách, 2 băng video về kỹ thuật VVN...

Nhìn chung, sau gần 30 năm trải qua không ít gặp ghềnh, được sự quan tâm của

ngành TDTT các cấp, sự cố vấn, hỗ trợ của võ sư chưởng môn và lòng tận tụy hy sinh

của tất cả võ sư, HLV và môn sinh; hiện nay VVN-VVĐ thu hút khoảng 30.000 môn

sinh thường xuyên luyện tập tại hầu hết các tỉnh phía Nam và một số tỉnh ở phía Bắc

như :Quảng Bình, Thanh Hóa, Hà Nội, Hòa Bình, Lai Châu, Yên Bái, Lạng Sơn, Phú

Thọ, Hà Tây... Hoạt động của môn phái tại Việt Nam đang đi dần vào nề nếp; nhiều

tỉnh, thành có tổ chức Hội, chất lượng chuyên môn có phần tăng tiến. Một số đơn vị

phát triển phong trào khá mạnh là: Tp HCM, Khánh Hòa, Cần Thơ, Đồng Nai, Vĩnh

Long...

Về quan hệ quốc tế, VVN-VVĐ Việt Nam từng biểu diễn tại các Lễ hội võ thuật

truyền thống khu vực và thế giới ở Thái Lan, Đức, Hàn Quốc, Nhật Bản... và được

nhật liệt hoan nghênh. Nhiều nước đã mở lớp tập VVN-VVĐ như : Pháp, Đức, Thụy

Sĩ, Ý, Tây Ban Nha, Hà Lan, Mỹ, Morocco, Úc, Canada, Nga, Belarussia, Ucraina,

Rumania, Ba Lan, Tunisie, Anh, Péru... Hằng năm, một vài quốc gia như Pháp, Ý,

Thụy Sĩ... tổ chức giải thi đấu quốc tế với sự hiện diện của võ sĩ các nước lân cận.

Trên tinh thần "uống nước nhớ nguồn", nhiều môn sinh nước ngoài đã về đất tổ viếng

cố võ sư sáng tổ, chào võ sư chưởng môn, tập huấn kỹ thuật, thi thăng cấp, và biểu

diễn tại Tp HCM, Nha Trang, Cần Thơ, Hà Nội...

Với thành quả bước đầu nêu trên, VVN-VVD Việt Nam đã được Ủy ban TDTT

đưa vào nội dung thi đấu chính thức tại Đại hội TDTT toàn quốc năm 2002.

Về kỹ thuật, thực hiện phương châm "một phát triển thành ba" nghĩa là từ đòn căn

bản (1) ghép lại thành bài đơn luyện (2) và bài song luyện (3) nhằm giúp người tập dễ

nhớ, dễ thuần thục nhờ thường xuyên ôn đi ôn lại, VVN-VVD có thêm một số bài

quyền và binh khí như: Nhập môn quyền, Tứ trụ quyền, Ngũ môn quyền, Viên

phương quyền, Thập thế bát thức quyền, 4 bài Nhu khí công quyền (dưỡng sinh), 4 bài

liên hoàn đối luyện (dành cho người cao tuổi), Song đấu côn, Song dao pháp, Trấn

môn quyền, Việt điều kiếm pháp, Tiên long song gươm pháp, Mã tấu pháp, Thất tinh

kiếm pháp, Âm dương hồ điệp phiến... Hệ thống đẳng cấp có thêm đai màu đen (sau

Lam đai tam cấp) - chuyển tiếp giữa sơ đẳng và trung đẳng dùng để so sánh với đai

đẳng của các môn võ khác (Karatédo, Taekwondo, Judo, Aikido).

* * *

70 năm đã trôi qua, vượt qua những bước thăng trầm, từ một môn phái manh nha tại

Hà Nội, VVN-VVD đang lớn mạnh và mở rộng đến nhiều nơi. Đó là cả một quá trình

15

chung vai đấu cật của nhiều thế hệ võ sĩ, HLV, môn sinh theo bước chân mở đường

của cố võ sĩ sáng tổ.

Thời gian trên là chặng đường rất ngắn so với lịch sử xã hội nặng VVN-VVD đã

có những đóng góp nhất định vào phong trào TDTT của đất nước và thế giới. Tuy

nhiên, để có thể sớm sánh vai cùng các môn võ quốc tế khác, môn phái cần nghiêm

khắc nhìn lại các hạn chế của mình. Về đại thể, tất cả võ sĩ và HLV nên đoàn kết,

thống nhất tư tưởng, ý chí và hành động, nhằm góp phần đào tạo những thanh thiếu

niên có lòng yêu nước, tri thức, sức khỏe, đức dũng, lòng nhân, tinh thần hào hiệp và

nếp sống văn minh, lành mạnh. Trong quá trình thể thao hóa môn võ, cần tích cực và

khẩn trương đào tạo đội ngũ HLV, Trọng tài; chú trọng giáo dục tinh thần thượng võ;

tinh giản chương trình huấn luyện; biên soạn sách kỹ thuật; tu chính luật thi đấu đối

kháng và hội thi kỹ thuật; chấn chỉnh kỷ cương, xây dựng phong cách làm việc dân

chủ, khoa học... Đó là những yếu tố căn bản và rất quan trọng để tiến đến thành lập

Hiệp hội VVN-VVĐ Việt Nam và Liên đoàn VVN-VVĐ quốc tế đặt trụ sở tại đất tổ

trong tương lai.

Từng môn sinh có quyền tự hào về những thành quả môn phái đã giành được nhưng

không mãi mê với "ánh hào quang" mà phải nghiêm túc tự soi rọi lại các qu, khuyết

điểm của bản thân để tiếp tục tu dưỡng đạo đức, rèn luyện chuyên môn, khiêm tốn,

không ngừng học hỏi, nâng cao kiến thức về mọi mặt; yêu thương, giúp đỡ, tôn trọng,

hòa hợp cùng đồng môn nhưng mạnh dạn đấu tranh với những sai trái hầu đạ môn

phái vững vàng tiến bước trong thế kỷ 21 cũng như thực hiện ngày một tốt hơn lời dạy

của cố võ sĩ sáng tổ: phục vụ dân tộc và nhân loại.

BÀI 2: ĐÔI NÉT VỀ VÕ SĨ CHỢNG MÔN LÊ SÁNG

Nguyễn quán ở tỉnh Thanh Hóa, võ sĩ Lê Sáng chào đời vào mùa

thu năm 1920 tại căn nhà bên bờ hồ Trúc Bạch (Hà Nội). Ông là trưởng nam của cụ ông Lê Văn Hiến tự Đức Quang (1887-1959) và cụ bà Nguyễn Thị Mùi (1887-1993). Hai người em gái của võ sư là Lê Thị Xuất và Lê Thị Hương.

Vào năm 1939, sau một cơn bạo bệnh nên đôi chân đi đứng khó khăn, nghe theo lời

khuyên của mẹ, võ sư Lê Sáng đã tìm thầy học võ với mục đích rèn luyện cho đôi chân

cứng cáp và thân thể khỏe mạnh. Duyên may đưa đẩy ông đến với lớp Vovinam tại

trường Sĩ phạm(Ecole Normale) Hà Nội do cố võ sư sáng tổ Nguyễn Lộc trực tiếp giảng

dạy vào mùa xuân năm 1940. Có tố chất, thông minh, chịu khó học hỏi và chuyên cần

luyện tập, ông sớm cải thiện tình trạng sức khỏe và tiến bộ nhanh trên bực đường võ

nghệ. Chỉ vài năm sau, ông được võ sư sáng tổ cho tham gia huấn luyện tại Hà Nội. Từ

đó, ông luôn gắn bó với võ sư sáng tổ như anh em ruột thịt, cùng đồng lao cộng khổ và

từng theo chân võ sư sáng tổ đi dạy Vovinam ở nhiều nơi như : huyện Thạch Thất (tỉnh

Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Hà Tây); tỉnh Phú Thọ; Chuế Lâu, Đan Hà, Đan Phú (tỉnh Yên

16

Bái); Me Đồi (tỉnh Vĩnh Yên)...

Tháng 7 năm 1954, ông cùng võ sư sáng tổ vào Sài Gòn. Tại đây, ông được phân công

mở các lớp Vovinam ở đường Avigateur Garros (nay là đường Thủ Khoa Huân), Hiến

binh QG Sài Gòn và Trung tâm Huấn luyện Hiến Binh ở Thủ Đức. Đến năm Đinh Dậu

(1957), võ sư sáng tổ lâm bệnh, ông thay người tiếp tục huấn luyện cho các môn sinh

cao đẳng, đồng thời mở thêm võ đường ở đường Trần Khánh Dư (Tân Định), Sĩ Vạn

Hạnh (sát chùa Ấn Quang), Moulin Rouge (đường Trần Hưng Đạo)...
Tháng 4 năm

1960, trước lúc qua đời, võ sĩ sáng tổ đã giao nhiệm vụ chống môn lại
cho ông. Do

tình hình thời sự, những năm đầu thập niên 60, võ sĩ Lê Sáng phải lên tận
Buôn Mê

Thuộc làm ăn và mãi đến cuối năm 1963, khi các võ phái ở Sài Gòn được
phép hoạt

động trở lại, ông mới quay về, bắt tay vào việc củng cố lực lượng, định
hướng khôi phục

và phát triển môn phái. Là môn đệ trưởng tràng, sát cánh cùng võ sĩ
sáng tổ khoảng 20

năm trường, võ sĩ Lê Sáng đã tiếp thu những tài năng võ đạo và võ
thuật của sáng tổ

một cách sâu sắc nhất. Trên cơ sở đó, với cương vị chống môn và bằng
uy tín cá nhân,

ông đã quy tụ nhiều cộng sự (võ sĩ, thân hữu...) tâm huyết và đã lãnh
đạo môn phái

vươn lên thật mạnh mẽ - Vovinam có mặt hầu hết tại các tỉnh miền Nam
và lan rộng

sang một số nước ở châu Âu - trong thời gian từ đầu năm 1964 đến đầu
năm 1975.

Những năm đầu khôi phục môn phái, dù cuộc sống còn nhiều thiếu thốn,
nhưng song

song với chỉ đạo phong trào, mỗi ngày ông vẫn trực tiếp huấn luyện hàng
10 giờ cho

nhiều đối tượng khác nhau; vậy mà đêm đêm vẫn còn chong đèn viết sách
để hệ thống

lại những tài năng võ học của sáng tổ; và qua kinh nghiệm thực tiễn của
mình, ông đã

bổ sung vào chương trình huấn luyện nhiều đòn thế mới. Bên cạnh đó,
ông còn được bầu

làm Tổng thư ký Tổng cuộc Quyền thuật miền Nam Việt Nam và Thủ quỹ
Ủy ban

Olympic miền Nam Việt Nam trong nhiều năm.

Từ cuối thập kỷ 80 đến nay, là người lãnh đạo tinh thần của Vovinam-Việt Võ Đạo,

với chủ trương Thuận thiên – Hòa nhân, võ sự chọi võ môn Lê Sáng luôn hướng dẫn và

hỗ trợ những hoạt động chuyên môn của môn phái ở các nơi, trực tiếp khảo thí các môn

sinh cao đẳng; đồng thời tiếp tục nghiên cứu để phát triển hệ thống lý luận và hệ thống

kỹ thuật của môn phái phù hợp với xu thế của thời đại.

Chẳng những giỏi võ, có khả năng kinh doanh - từng là chủ tiệm đóng giày Phi Điệp

(1950-1954), chủ nhà in và nhà xuất bản Nguồn Sống (1953-1954) ở Hà Nội - và năng

lực lãnh đạo tốt, võ sự chọi võ môn Lê Sáng còn là một con người tài hoa. Bằng những

nét chữ bay bướm, đẹp mắt và rõ ràng, ông thường sáng tác nhiều bài thơ , mang cảm

xúc sâu lắng và tinh thần thượng võ. Một số bài thơ của ông đã được phổ nhạc. Trong

đời thường, ông sống ung dung, giản dị, thường giúp đỡ bạn bè và cư xử chân tình với

những người chung quanh. Đối với môn đệ, ông chí tình dạy bảo, thương yêu và dung

thứ. Những lúc cha mẹ ốm đau, ông luôn cận kề và chăm lo chu đáo.

Sống đơn thân, không nặng gánh gia đình, thích đọc sách báo, thấm nhuần triết lý

phương Đông, và cũng là người môn đệ xuất sắc nhất của cố võ sư sáng tổ Nguyễn Lộc;

bằng tài năng và đạo đức của mình, võ sự chọi võ môn Lê Sáng đã cống hiến trọn cuộc

đời mình cho công cuộc xây dựng và phát triển môn phái Vovinam-Việt Võ Đạo.

17

BÀI 3: ĐỨC DŨNG VÀ LÒNG NHÂN

(BÀN TAY THÉP ĐẶT TRÊN TRÁI TIM TRÁI ÁI)

Trên phù hiệu môn phái Vovinam-Việt Võ Đạo (VVN), chúng ta thấy có hai hình

biểu tượng, hình dáng giống nhau nhưng khác nhau về màu sắc (xanh, đỏ) được trình

bày với hai vị thế trái ngược, tượng trưng cho hai nguyên lý Âm Dương. Hai hình biểu

tượng này được bao quanh bởi một vòng tròn (trắng), tượng trưng cho Đạo thể chỉ sự

khắc chế, điều hòa, bao dung, nên đã kết hợp với nhau thành một tổng thể hài hòa.

DƯƠNG TỐ: Biểu tượng cho sự cứng mạnh - đức dũng cảm - bàn tay thép.

ÂM TỐ: Biểu tượng cho sự mềm dịu - lòng nhân - trái tim từ ái.

VÒNG ĐẠO THỂ: Biểu tượng cho sự khắc chế, điều hòa, bao dung - trí tuệ linh mẫn

- điều hợp hai nguyên lý âm dương.

Trong nhiều giai đoạn, đức dũng và lòng nhân được diễn tả là hai khả năng đối

nghịch trong một tổng thể hài hòa có tác dụng tích cực để giải quyết những vấn đề

phát sinh từ cuộc sống.

Người học võ muốn đạt mức tinh diệu, phối hợp được Cương, Nhu (Âm, Dương)

phải rèn luyện và hàm dưỡng Tâm và Thân, cả võ thuật lẫn võ đạo. Nếu chỉ có Dũng

mà thiếu Nhân sẽ tàn bạo, độc ác. Nếu chỉ có Nhân mà thiếu Dũng sẽ yếu hèn, nhu

nhược. Do vậy, đức Dũng phải có lòng Nhân đi cùng; Dũng và Nhân phải có Trí phối

triển, điều hòa mới sinh tạo và tượng triển. Mọi mâu thuẫn trong tượng lai sẽ được

giải quyết theo hướng xây dựng của Ta - Người cùng tồn tại.

Dũng cảm khác can đảm, người can đảm không sợ nguy hiểm, khi nộ khí bốc lên có

thể liều mạng sống, nhưng người dũng cảm khác hơn, phải có ý thức để sự nóng giận

đạt tới một mục đích nào đó có một tầm vóc nhất định. Dũng cảm được phân thành

hai cấp:

THƯỜNG DŨNG VÀ ĐẠI DŨNG

Trong đời sống chúng ta thường gặp những hành động biểu lộ về đức dũng: Người

chiến sĩ vượt qua những trở ngại, thử thách cam go để hoàn thành nhiệm vụ, người

18

con cố gắng khắc phục mọi khó khăn để phụng dưỡng cha mẹ già yếu, bệnh hoạn;

người cán bộ có tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua mọi cạm bẫy mua chuộc để chu

toàn trách vụ. Tất cả đều biểu hiện lòng can đảm, sức chịu đựng, tận tụy với nghĩa vụ,

được gọi là đức dũng. Nhưng dũng có hai mức cao thấp khác nhau là Thường Dũng và

Đại Dũng.

Thường dũng là dũng nhất thời được biểu hiện trong cử chỉ, thái độ và hành động

chống đối, không chịu khuất phục của con người khi gặp những điều sai trái. Ở những

việc đơn giản, đức dũng dễ nhận thấy, thường gặp trong đời sống, nên ta gọi Thường

Dũng - cái "Dũng" bình thường, thông thường dễ thấy, dễ nhận. Thường dũng là cái

dũng do hoàn cảnh tạo nên, do đờm lợc coi nhẹ tử sinh, do trách nhiệm phải quên

mình để chu toàn trách mọi khó khăn, nguy hiểm, nhằm giải quyết những sự việc khó

khăn trước mắt và hữu hạn.

Đại dũng là cái dũng có tính cách lâu dài, xuyên suốt cả một đời, biểu lộ qua sự

chịu đựng, nhẫn nại để vượt qua mọi hoàn cảnh khó khăn với thái độ trầm lặng, với

khả năng tự chế, tự thẳng cao, nên lúc nào cũng bình thản, ung dung, thông suốt, kiên

ngự trong suốt đời người. Có những việc lâu dài mà không ai thấy, có khi suốt cả một

đời mới chứng tỏ được là đại dũng. Ra quân chống quân Mông Cổ lần thứ hai với

quyết tâm phản công tiêu diệt quân thù, Hạng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn trở gươm

xuống sông

Hóa mà thề: "Không dẹp xong giặc quyết không trở về khúc sông này nữa", là biểu

lộ Thợng Dũng do tình thế bắt buộc. Nhưng lúc nghe tin Thoát Hoan lại sắp đạ

300.000 quân Mông Cổ sang đánh lần thứ ba, trong khi đất nước đã cạn kiệt vì bị giặc

tàn phá, lực lượng bị quá yếu kém, chưa kịp phục hồi. Ngài vẫn bình tĩnh, sáng suốt

nhận định, thảo hịch khích động toàn dân, thôi thúc tinh thần chiến đấu của ba quân,

họp hội nghị Diên Hồng với các bô lão, chinh đốn hàng ngũ với chủ trương "Quân quí

về tinh nhuệ, không quí ở nhiều" và tâu với vua Trần Nhân Tôn khi bàn việc ngăn

giặc "Năm nay đánh giặc dễ" để chứng tỏ đức Đại Dũng của ngài.

Trần Quốc Tuấn và Trần Quang Khải có hận riêng với nhau, nhưng trước họa xâm

lăng Mông Cổ, Trần Quốc Tuấn tới thăm gặp lúc Trần Quang Khải đang tắm, đã kỳ

lượng cho Trần Quang Khải và nói " Bây giờ được hân hạnh kỳ lượng cho Thừa tướng".

Trần Quang Khải vui đáp: " Được Nguyên soái kỳ lượng cho thật là vạn hạnh". Hai ông

được người hậu thế khen là những người Đại Dũng.

Đức Đại Dũng có khi cả đời người mới biểu lộ được. Lê Lợi kháng Minh năm

năm đầu thất bại chạy dài, vợ con đều chết thảm, vẫn kiên trì dũng cảm chiến đấu mãi.

Sau đó, đổi chiến pháp “ Tránh chỗ địch mạnh, đánh nơi địch yếu”, cũng phải năm

năm sau mới chiến thắng hoàn toàn mới chứng tỏ được là bậc Đại Dũng.

ĐỨC DŨNG QUA CÁC QUAN NIỆM TRIẾT HỌC

Đức Dũng từ hình thái dễ thấy, dễ nhận đã triển khai tới mức tế vi hơn, sâu rộng

hơn. Khởi từ Thượng Dũng vượt lên trở thành một thứ Đức Dũng “ siêu khoáng”. Từ

hành động, dũng đã bén rễ vào tự tưởng thông qua các quan niệm triết học, trở thành

19

cái dũng của thánh nhân, cái dũng của người quân tử, cái dũng của người đại trượng

phu...

+ Cái dũng của thánh nhân: Đấng Christ đem tính mạng mình chuộc tội thế gian trên

cây thánh giá, Đức Phật từ nhiều tiền kiếp hiến cả tay, chân, tính mạng mình để cứu

độ chúng sinh.

+ Cái dũng của người quân tử: Ăn không cầu no, ở không cầu yên, không cầu sống

làm hại người, sẵn sàng tự giết để thành nhân.

+ Cái dũng của bậc đại trượng phu: Ở thì ở chỗ rộng lớn trong thiên hạ, làm thì làm

cái đạo lớn trong thiên hạ, không khuất phục trước uy quyền, không đổi chí khi nghèo

hèn, không phóng túng sa đọa khi giàu sang.

ĐỨC DŨNG THEO QUAN NIỆM VIỆT VĨ ĐẠO

Văn hóa Việt Nam ảnh hưởng khá sâu đậm tinh thần “ tam giáo đồng lưu” ấy, cùng

các tôn giáo lớn. Các tinh thần ấy thấm sâu vào nếp sống văn hóa dân tộc, nặng cũng

được “dân tộc hóa” bằng những chọn lọc kỹ lưỡng. Do vậy, đẳng cấp sĩ phu Việt Nam

có học vị cao, vừa sùng đạo vừa giỏi võ. Các dũng tướng Việt Nam có học
vừa trị

quốc giỏi vừa sùng kính thần thánh. Sự ngăn cách giữa các nhà tu với các
văn quan,

võ tướng bàn bạc mơ hồ. Lý Thường Kiệt, Lý Công Uẩn, Trần Quốc Tuấn,
Trần

Quang Khải, Nguyễn Trãi, Hồ Quý Ly, Nguyễn Công Trứ...là những ví dụ
điển hình

về "văn võ song toàn".

Vậy trong đời sống hiện nay, môn sinh VVN chúng ta nên ứng dụng. Loại
dũng nào?

Thường Dũng hay Đại Dũng?

Tùy trường hợp mà ứng dụng. Thường Dũng giúp chúng ta đương đầu
với hoàn

cảnh để biểu lộ cái hùng khí của con nhà võ và giải quyết cấp thời những
khó khăn trở

ngại. Hơn nữa, khi bực dọc mà không dám tỏ thái độ, bị áp chế mà không
có tinh thần

đối kháng thì làm sao tâm hồn có thể thanh thoi? Điều quan trọng là phải
tỏ thái độ

chống đối theo chiều hướng trầm tĩnh, ôn hòa, dẫn dụ thuyết phục để
người phải thay

đổi quan điểm và cách đối xử.

Chúng ta cần Đại Dũng, vì Đại Dũng giúp chúng ta rèn luyện nghị lực,
tinh thần và

đức độ đến mức dật lạc, siêu khoáng để có thể yên vui trước mọi hoàn
cảnh, thản

nhien trước mọi thành bại, vượt trên mọi quạ quạ hay thỏa mãn tự ái giai
đoạn, ngộ hầu

phải biết mình phải sống ra sao, phải làm gì cho tương lai, cho đại nghĩa?

Tuy nhiên, cần phân biệt những kẻ thoát đầu tỏ vẻ ta đây có hoài bão lớn,
theo đuổi sự

ngiệp phi thường, không quan tâm giải quyết những việc nhỏ nhặt
thường ngày,

thiếu chuyên chất trong hành xử, khôn khéo né tránh mọi đụng chạm, dù
lớn hay nhỏ

với bất cứ ai thì chỉ là kẻ thời cơ, cầu an vụ lợi.

Xuất phát điểm của Đại Dũng từ Thượng Dũng. Do vậy, dù Đại Dũng hay Thượng

Dũng cũng đều nảy sinh từ sự thực hiện những việc bình thường tích lũy hằng ngày

20

(nhẹ quyết tâm dậy sớm, từ bỏ nghiện ngập, chuyên cần, nhẫn nại...).

Không có

quan niệm sống đúng đắn rõ rệt, thiếu chuyên nhất, làm việc chóng chán hay thay đổi

thì chỉ là kẻ đốn hèn, nhu nhược, nói chi đến chuyện Thượng Dũng hay Đại Dũng.

Bốn phẩm tính chủ chốt của tinh thần dũng cảm, người môn sinh VVN phải trau

đồi, tu tập, đó là: Tự chủ, tự thẳng, cương trực, tận tụy với nghĩa vụ.

1. Tự chủ: Con người là phần tử của gia đình, gắn bó với cộng đồng dân tộc, và nhân

loại. Trong sự hòa nhập chung sống nếu không có đức tính tự chủ sẽ bị đồng hóa.

Muốn có đức tính tự chủ, chúng ta phải luôn tự chủ trước mọi biến động của ngoại

cảnh, luôn triển khai nội tâm, luyện ngũ quan cho thật bén nhạy. Sau hết, luyện thân

khí cho được ung dung, thanh thản, không cầu cạnh, ợc ao gì cả.

2. Tự thẳng: Mỗi người đều có một số ợc điểm và nhược điểm. Trong lịch sử, chúng

ta thấy có biết bao vua chúa, danh tướng lẫy lừng một thời đã bị danh vọng, tiền tài,

gái đẹp làm băng hoại, tha hóa đi đến sụp đổ. Cụ thể trong hiện tại có nhiều chiến sĩ

yêu nước đã chiến thẳng về vang quân thù lại trở thành những kẻ tiêu cực, tham ô nên

đã thân bại danh liệt, chỉ vì họ không tự chế, tự thẳng được những nhược điểm trong

con người của mình.

Muốn có đức tính tự thẳng, chúng ta phải luôn kiên nhẫn nghe, từ những điều chưa

biết đến những điều đã biết, nghe cả những điều phải lẫn những điều trái, để hiểu rõ

nguyện vọng của người, để tập thói quen tôn trọng và nghĩ tới người. Kiên nhẫn học

hỏi mọi người, trong mọi trường hợp, liên tục trong đời sống. Kiên nhẫn trong việc xử

thế, là gặp trường hợp bị đối xử bất công, thô vụng, lầm lẫn, chúng ta vẫn kiên chế

đượ tính nóng nảy, hiểu thẳng, vẫn ung dung nhu nhả với tinh thần thông cảm hòa

giải, không tức khí nổi quạu “ăn miếng trả miếng” tùy hứng. Kiên nhẫn hành động sẽ

giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn trở ngại, thẳng phục đượ những thất bại trên

đờng đời, nhất là khi mới vào đời để đạt thành công cuối cùng.

3. Cợng trực: Đây là đức tính của con nhà võ. Nhưng chúng ta cần phải hiểu:

Cợng là cợng quyết trong tinh thần, hòa nhả ngoài thái độ. Trực là thẳng một cách

tế nhị, chứ không là tính cứng cỏi, thô lỗ của kẻ thất phu và sự ngay thẳng của người

điên khùng. Tiêu biểu trong lịch sử Việt Nam có Lý Thường Kiệt, Chu Văn An, Trần

Hợng Đạo, Nguyễn Trãi,...là những người cợng trực dám nói, dám làm, dám lãnh

trách nhiệm về lời nói của mình.

Không có sự cợng trực nào vững chắc bằng sự cợng quyết trong tinh thần. Khi

tinh thần đã nhất quyết rồi thì thái độ phải tỏ ra ôn hòa, nhu nhả. Chính thái độ ôn hòa

nhu nhả đã nói lên sự quyết tâm đến cùng cực. Người cợng quyết phải là người có ý

thức vững vàng rằng, mình nên nghĩ gì, phải làm gì? Và đã quyết đoán là quyết tâm

theo đuổi đến cùng.

Ngay thẳng là một đức tính được mọi người cảm mến, nhưng không đồng nghĩa với

chất phác "thẳng ruột ngựa". Ngay thẳng cứng nhắc sẽ làm cho mọi người phiền lòng,

phật ý, và khiến mình luôn bị thua thiệt, thất bại. Phải ngay thẳng một cách linh động,

21

khéo léo, không bao giờ được dối trá, nhưng cũng không nên thật thà lộ bịch, nói hết

những điều không đáng nói, gây xáo trộn, thất vọng cho người. Đó là ngay thẳng một

cách tế nhị.

4. Tận tụy với nghĩa vụ: Với lý tưởng tập thể, với sự vụ sự môn, Tổ quốc và nhân loại,

chúng ta phải hết lòng, tận dụng mọi khả năng thực hiện nghĩa vụ bằng được, dù có hy

sinh tính mạng, nhưng phải hy sinh cho đúng chỗ, đúng lúc trong phạm vi trách nhiệm

của mình. Nếu ngoài phạm vi trách nhiệm mà cứ nhắm mắt hy sinh thì chỉ là người

bất trí, thiếu sáng suốt, không thông đạt lý, không quán triệt công nghĩa khác với tận ân

tận lợi. Thí dụ: khi được người hiểu rõ khả năng của ta, tin cậy trọng dụng ta, và đó

cũng là lợi ích chung cho mọi người thì ta đem hết tâm lực ra làm việc, nếu đây chỉ là

âm mưu mua chuộc, trí trá bất minh để dành thẳng lợi riêng tận thì ta không thể tận tụy

hy sinh mù quáng được.

Tận tụy với nghĩa vụ giúp ta nâng cao phẩm cách, và trở thành con người năng

động, yêu người yêu việc, biết học tập để kiến toàn, có tinh thần trách nhiệm cao.

Trau dồi được bốn đức tính trên, chắc chắn chúng ta sẽ tạo được phong cách sống

đặc thù cho mình, để trở thành hiệp sĩ thời đại, thể hiện được tinh thần “Bàn tay thép

đặt lên trái tim từ ái”.

LÒNG NHÂN QUA CÁC ĐẠO GIÁO ĐÔNG PHƯƠNG

“Nhân” theo đạo giáo Đông Phương nói chung là lòng yêu thương con người, quan

tâm nghĩ tới người, giúp đỡ người khi gặp khó khăn, an ủi, cứu mang người khi gặp

hoạn nạn. Các từ ngữ: Bác ái, từ bi, vị tha, từ ái... thường được sử dụng để biểu thị

lòng nhân.

“Nhân” theo cổ thư trước hết là:

- Biết sống với người, vì người, cho người, luôn luôn nghĩ tới người, hòa thuận với

người, làm lợi ích cho người, quên mình vì công nghĩa. Sống như vậy sẽ sáng suốt

trong phán đoán và nhận định, cảm phục, lời cuốn được người cộng tác và tin tưởng

nơi mình.

- Biết thích nghi với hoàn cảnh, thời thế, linh động uyển chuyển trong xử sự, tháo vát

lành lợi trong công việc, tùy người tùy việc mà kinh quyền biến hoá.

- Biết sống và làm việc theo cái lý đương nhiên, theo lẽ phải mà xử sự, không chủ

quan đặt ý riêng của mình vào.

- Không nhất quyết là sự việc phải diễn biến như mình suy luận, tức không độc đoán,

bảo thủ hay nôn nóng, để sự việc được diễn tiến tự nhiên, không định mức kết quả.

Như vậy, “Nhân” là cái tính có sẵn trong mỗi người như cái hạt, cái mầm, cái cốt

lõi để nuôi dưỡng, cái lẽ phải chung cho con người, khiến cho con người đối xử với

đồng loại như đối đãi với chính bản thân mình. Để minh họa cho lập luận đó, người

xưa nói: “Để thực hiện lòng nhân, hàng ngày phải cung kính, chân thành, đối xử phải

khoan hòa bao dung. Làm việc phải thận trọng giữ chữ tín, giao thiệp phải trung thực,

mau mắn; trải rộng lòng ra với mọi người. Đó là: Cung, Khoan, Tín, Mẫn, Huệ.

Cung: Kính cẩn nghiêm trang thì người không loạn.

Khoan: Khoan hòa bao dung thì được người thân cận.

Tín: Giữ lời hứa sẽ được người tin cậy.

Mẫn: Nhậm nhẹ, tháo vát thì việc mau thành.

Huệ: Trải rộng lòng thì người cảm phục và đủ để sử dụng, điều khiển người.

LÒNG NHÂN THEO QUAN NIỆM VIỆT VÕ ĐẠO

Tổng hợp các quan niệm “Nhân” của các đạo giáo Đông Phương, người môn sinh

VVN ý thức trách nhiệm của mình đối với bản thân, gia đình, dân tộc và nhân loại, tích

cực thực hiện ba phần nhiệm vụ: Sống, giúp người sống, sống cho người khác.

+ Sống: Ở đây là Hạo ng Ký chứ không ích kỷ hay vị kỷ. Hạo ng kỷ là phải bắt đầu từ

mình, tự tiện toàn bản thân, trên ba phương diện tâm - trí- thể để trở thành người hữu

ích.

+ Giúp người khác sống: Tức Hạo ng Tha, nghĩ tới người khác, giúp họ tiện toàn tâm

thân để đạt nguyện vọng trở thành người hữu ích nhạ mình.

+ Sống cho người khác: Tức Hạo ng Thạ ng, quan tâm tới đại nghĩa, biết quên mình

hy sinh cho đích sống cao đẹp, cho lý tưởng, phục vụ công ích.

Nhạ vậy, lòng nhân con người môn sinh VVN không vị kỷ cũng chẳng vị tha, mà

đồng thời cùng một lúc phải nghĩ tới cả ta lẫn người.

Chúng ta không tách bạch phân chia Ta - Người bởi biết rằng: Không thể đơn độc

làm việc công ích, phải hiệp lực cùng nhau làm việc lớn mới thành và thực hiện từng

bước một.

Trước hết, phải kiện toàn bản thân để có năng lực thực sự mới hướng dẫn, giúp

người cùng tiến bộ và cùng nhau hướng theo đại nghĩa, thực hiện lý tưởng phục vụ

công ích.

Bước 1: Kiện toàn bản thân là Hướng Kỳ.

Bước 2: Giúp người tiến bộ là Hướng Tha.

Bước 3: Đồng tâm hiệp lực thực hiện công ích là Hướng Thọ.

23

Như vậy, lòng nhân của người môn sinh VVN phải thể hiện tuần tự, từ mình đến

người, từ gia đình đến xã hội, từ người tốt đồng chí hướng đến người sơ giao chưa biết

gì về họ, nhưng đối đãi với tất cả đều bình đẳng ngang hàng như chính bản thân mình

chứ không phân chia giai cấp, tôn giáo, dân tộc, dòng dõi. Nói một cách khác là tùy

người mà thể hiện lòng nhân: Gần gũi thân giao với người tốt, chân thành nêu gương

cảm hóa người chưa tốt thành người tốt chứ không kỳ thị xa lánh. Đôi khi cần phải có

thái độ cứng rắn đẽ, cảnh cáo để người thức tỉnh trở lại đường ngay, chứ không

thù hằn, cưỡng chế.

Lòng nhân của người môn sinh VVN còn thể hiện ở lòng yêu hòa bình, làm tốt

trách vụ kiến thiết đời sống, để ánh hào quang rực rỡ chan hòa Chân - Thiện - Mỹ tỏa

sáng khắp nơi.

Để thể hiện những điều trên, chúng ta cần áp dụng bốn nguyên tắc dưới đây:

1. YÊU NGƯỜI, NGHĨ TỚI NGƯỜI:

Muốn được người yêu và nghĩ tới mình, mình phải yêu người nghĩ tới người trước.

Phải tìm hiểu nguyện vọng của người cả về tinh thần lẫn vật chất. Tất nhiên, chúng ta

không phải là bậc thánh có phép màu đáp ứng mọi khác vọng của, nhưng chúng ta có

thể mang đến cho người niềm an ủi chân thành, sự giúp đỡ thiết thực. Sự quan tâm an

ủi, giúp đỡ sẽ khích lệ người yêu đời, hăng say làm việc. Nhờ đó chúng ta cũng hưởng

vui lây.

2. NHẬN BIẾT ĐIỂM CỦA NGƯỜI:

Là người ai cũng có ưu điểm và khuyết điểm. Nếu chỉ xóc mói đến cái sai, cái xấu

của người, thì cái sai, cái xấu sẽ xâm nhập vào chúng ta. Trái lại, nếu nhận biết những

ưu điểm của người, thì ưu điểm của chúng ta nổi bật, và những ưu điểm đó sẽ sửa đổi

những khuyết điểm của nơi chúng ta.

3. HÃY ĐỐI XỬ VỚI NGƯỜI NHƯ MÌNH ƯỚC MONG ĐƯỢC NGƯỜI ĐỐI XỬ LẠI NHƯ THẾ:

Một nguyên tắc rất công bằng hợp lý, chúng ta phải luôn tâm niệm và áp dụng trong

đời sống, chắc chắn chúng ta sẽ tiếp nhận được niềm thông cảm chân thành và lòng

yêu thương vô cùng tốt đẹp. Việc đời có đi có lại: gieo nhân thì hái trái. Chúng ta độ

lượng tận tâm với người thì sẽ được người độ lượng tận tâm lại. Chính hành vi khả ái

đó làm cho tâm hồn chúng ta cởi mở, vui tươi và có tác dụng cảm hóa được lòng

người.

4. LÒNG NHÂN LÀ NGUỒN VUI VÔ TẬN THỂ HIỆN GIÁ TRỊ CON

Người môn sinh VVN ăn ở thủy chung có lòng nhân với người, vì đó là nguồn vui,

là nghĩa sống làm người chứ không vì lời khen hay sự đền đáp nhớ ơn.
Chúng ta hành

24

xử tốt, bởi chính điều đó làm đời sống có ý vị, mọi người sống gần gũi,
thương yêu

nhau hơn. Chúng ta sống với sự thoải mái của tâm hồn, với nguồn tin
tưởng vô biên

của lẽ sống, tràn ngập ánh hào quang Chân - Thiện - Mỹ.

Tuy nhiên, tất cả những hành vi thể hiện lòng nhân của người môn sinh
VVN phải

đặt dưới sự hướng dẫn của trí tuệ để đạt được đúng chỗ hợp thời, có lúc nên
khoan, lúc

nên mau, có lúc cần tích cực chia sẻ đau thương, tận tình giúp đỡ, có lúc
phải bộc

trực cảm ngăn, cảnh cáo để cảm hóa. Đó mới đúng là lòng nhân của người
môn sinh

VVN có tác dụng tích cực kết hợp và hướng dẫn lẫn nhau, cùng sống vui,
yêu đời, xây

dựng nền hòa bình vĩnh cửu trong tâm hồn, người người nhìn chung một
hướng.

(Võ sư Chưởng môn Lê Sáng)

Sưu tầm: Lê Văn Long